

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 4 - 2022
Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Bình An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Nguyễn Thanh Hoàng
2. bà Lê Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Đẹt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 85/2022/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1997

2. *Bị đơn:* ông Lê Văn Đ, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: ấp Đ 2, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2022 và những lời khai tiếp theo của bà Nguyễn Thị Kim T là nguyên đơn trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà và ông Lê văn Đ có tìm hiểu nhau thời gian 01 năm, sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 04/01/2017. Thời gian đầu bà và ông Đ chung sống có hạnh phúc cho đến tháng

11 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Đ thường xuyên uống rượu và bỏ nhà đi qua đêm không về nên bà và ông Đ ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Văn Đ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông Đ chung sống có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hữu T, sinh ngày 13/6/2017. Khi ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày: ông xác nhận về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, về con chung và nợ chung nguyên nhân mâu thuẫn đúng như lời trình của bà T. Ông cho rằng cuộc sống hôn nhân của vợ chồng vẫn hạnh phúc, không có phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng ông không đồng ý ly hôn với bà T. Trường hợp Tòa án có căn cứ giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao cháu Lê Nguyễn Hữu T cho bà T nuôi, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng các bên đương sự không thống nhất được nội dung vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” được quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại ấp Đ2, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Lê Văn Đ nên bà T được xác định là nguyên đơn, ông Đ là bị đơn.

Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu.

Tòa án chỉ xét xử vụ án trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Văn Đ đều xác định bà T và ông Đ kết hôn vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa bà T và ông Đ trên cơ sở tự nguyện, bà T cho rằng cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc đến tháng 11 năm 221 phát sinh mâu thuẫn nên cả hai đã ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay. Tại phiên tòa, bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông Đ. Ông Đ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà T trình bày, nhưng cuộc sống hôn nhân của ông và bà T vẫn hạnh phúc. Thấy rằng từ khi bà T và ông Đ ly thân cho đến nay ông Đ không có biện pháp gì để đoàn tụ với bà T và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho bà T được ly hôn với ông Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà T và ông Đ xác định có 01 con chung là Lê Nguyễn Hữu T, sinh ngày 13/6/2017. Khi ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi con chung. Tại phiên tòa ông Đ đồng ý để cho bà T tiếp tục nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường cho con chung, Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao con chung tên Hữu T cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, việc này được ông Đ đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp với Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà T và ông Đ thống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà T và ông Đ xác định không có nên không đề cập xem xét.

[4]. Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn, ông Lê Văn Đ phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Lê Văn Đ về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Văn Đ.

2. Về con chung: bà Nguyễn Thị Kim T được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Hữu T, sinh ngày 13/6/2017 (Bà T đang nuôi dưỡng), ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông Đ thống nhất xác định không có

4. Về nợ chung: Bà T và ông Đ thống nhất xác định không có

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009598 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Bà T không phải nộp tiếp. Ông Lê Văn Đ phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã Đ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ
Đỗ Bình An**